

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
KỸ THUẬT TP.HCM**

Tầng 20, Tòa nhà Sun Wah, Số 115 Đường Nguyễn Huệ,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

ĐT: 028 – 36221025. Fax: 028 – 36367100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 24 /2019/CV-CII

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 2019

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH THANH TOÁN
GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP**

- Kính gửi:**
- Bộ Tài chính_Vụ Tài chính các Ngân hàng và tổ chức tài chính.
 - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Vụ Quản lý ngoại hối.
 - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu:

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018)

TT	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số dư		Thanh toán			Dư nợ	
				đầu kỳ		Gốc		Lãi	cuối kỳ	
				Gốc	Lãi	Chuyển đổi	Thanh toán	Thanh toán	Gốc	Lãi
A/ Nhà đầu tư nước ngoài (USD)										
1	5 năm	05/01/2017	05/01/2022	40.000.000		-	-	200.000	40.000.000	
2	5 năm	11/07/2017	11/07/2022	20.000.000		-	-	100.000	20.000.000	
Tổng cộng (A)				60.000.000	-	-	-	300.000	60.000.000	
B/ Nhà đầu tư nước ngoài (ĐVT: ngàn đồng)										
1	5 năm	23/06/2014	23/06/2019	2.002.000				-	2.002.000	
2	42 tháng	13/08/2015	13/02/2019	462.851.000		-	-	35.176.676	462.851.000	
3	2 năm	15/08/2017	15/08/2019	250.000.000		-	-	12.249.388	250.000.000	
4	2 năm	23/03/2018	23/03/2020	50.000.000		-	-	2.660.958	50.000.000	
5	2 năm	19/4/2018	19/4/2020	50.000.000				2.632.191	50.000.000	
Tổng cộng (B)				814.853.000	-	-	-	52.719.213	814.853.000	
C/ Nhà đầu tư trong nước (ĐVT: ngàn đồng)										
1	5 năm	28/02/2014	28/02/2019	69.000.000				3.288.999	69.000.000	
2	5 năm	23/06/2014	23/06/2019	8.382.000				80.256	8.382.000	

TT	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số dư		Thanh toán			Dư nợ cuối kỳ	
				đầu kỳ		Gốc		Lãi	cuối kỳ	
				Gốc	Lãi	Chuyển đổi	Thanh toán	Thanh toán	Gốc	Lãi
3	2 năm	26/07/2017	26/07/2019	200.000.000				7.764.466	200.000.000	
4	3 năm	29/12/2017	29/12/2020	300.000.000				15.249.000	300.000.000	
5	2 năm	15/08/2017	15/08/2019	50.000.000				2.449.878	50.000.000	
6	2 năm	23/03/2018	23/03/2020	50.000.000		-	-	2.660.958	50.000.000	
7	2 năm	19/4/2018	19/4/2020	50.000.000		-	-	2.632.191	50.000.000	
8	366 ngày	27/07/2018	28/07/2019	580.000.000				-	580.000.000	
9	366 ngày	21/12/2018	22/12/2019	100.000.000				-	100.000.000	
10	2 năm	14/12/2018	14/12/2020	100.000.000				-	100.000.000	
Tổng cộng (C)				1.507.382.000	-	-	-	34.125.748	1.507.382.000	

II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018)

Loại Nhà đầu tư	Dư nợ đầu kỳ		Thay đổi trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
	(ngàn đồng)		(ngàn đồng)		(ngàn đồng)	
I. Nhà đầu tư trong nước						
1. Nhà đầu tư có tổ chức						
* Tổ chức tín dụng:	1.299.000.000				1.299.000.000	
+ Trái phiếu thường (Phát hành ngày 28/02/14 đáo hạn ngày 28/02/19) phát hành cho Ngân hàng Vietinbank- CN 11-HCM	69.000.000	10,62%	-		69.000.000	10,62%
+ Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, được đảm bảo giao dịch, và không đảm bảo bằng tài sản (phát hành ngày 26/7/2017 cho HSC, mã Trái phiếu CII11709)	200.000.000	100%	-		200.000.000	100%
+ Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có lãi suất được kết hợp giữa cố định và thả nổi và có bảo đảm bằng tài sản (phát hành ngày 29/12/2017 cho Cty TNHH CK Kỹ Thương, Ngân hàng Indovina, Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN, mã trái phiếu CII122020)	300.000.000	100%	-		300.000.000	100%

Loại Nhà đầu tư	Dư nợ đầu kỳ		Thay đổi trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
	(ngàn đồng)		(ngàn đồng)		(ngàn đồng)	
+ Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo, phát hành ngày 23/3/2018 cho Vietnam Debt Fund SPC, mã TP CII-BOND2018-01	50.000.000	50,00%	-		50.000.000	50%
+ Trái Phiếu không chuyển đổi bằng Đồng Việt Nam, không kèm chứng quyền, lãi suất được kết hợp giữa cố định và lãi suất thả nổi, được bảo đảm bằng tài sản, đáo hạn vào năm 2019, mã trái phiếu: CII11803, phát hành ngày 27/07/2018	580.000.000	100%	-		580.000.000	100%
+ Trái phiếu không chuyển đổi bằng Đồng Việt Nam, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, đáo hạn vào năm 2019, mã TP CII122019, phát hành ngày 21/12/2018	100.000.000	100%	-		100.000.000	100%
* Tổ chức/ cá nhân khác	208.382.000		-		208.382.000	
+ Trái phiếu chuyển đổi CII41401 (Phát hành cho các cổ đông hiện hữu ngày 23/06/14)	8.382.000	0,99%	-		8.382.000	0,77%
+ Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo (phát hành ngày 15/8/2017 cho Cty chứng khoán NH ĐT&PT VN và Quỹ đầu tư trái phiếu VN, mã trái phiếu CII11713)	50.000.000	16,67%	-		50.000.000	16,67%
+ Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo, phát hành ngày 19/04/2018 cho Tổng ty bảo hiểm Bảo Long, Cty CP ĐT Việt Thành, mã TP CII-BOND2018-01	50.000.000	50%	-		50.000.000	50%
+ Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo- mã Trái phiếu CII_BOND2018-02, phát hành ngày 14/12/2018	100.000.000	100%	-		100.000.000	100%
Tổng cộng Nhà đầu tư trong nước (ĐVT: ngàn đồng)	1.507.382.000		-		1.507.382.000	
II. Nhà đầu tư nước ngoài			-			
1. Trái phiếu chuyển đổi CII41401 (Phát hành cho các cổ đông hiện hữu ngày 23/06/14), trong đó:	2.002.000	0,19%	-		2.002.000	0,19%
+ Nhà đầu tư là các tổ chức	71.000	0,01%	-		71.000	0,01%
+ Nhà đầu tư là các cá nhân	1.931.000	0,18%	-		1.931.000	0,18%
2. Trái phiếu doanh nghiệp (Phát hành cho các nhà đầu tư VIAC (No.1) Limited Partners ngày 13/08/2015)	462.851.000	100%	-		462.851.000	100%

Loại Nhà đầu tư	Dư nợ đầu kỳ		Thay đổi trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
	(ngàn đồng)		(ngàn đồng)		(ngàn đồng)	
3. Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo (phát hành ngày 15/8/2017 cho Vietnam Debt Fund SPC, mã trái phiếu CIII1713)	250.000.000	83,33%	-		250.000.000	83,33%
4. Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo, phát hành ngày 23/3/2018 cho Vietnam Debt Fund SPC, mã TP CII-BOND2018-01	50.000.000	50,00%	-		50.000.000	50%
5. Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo, phát hành ngày 19/4/2018 cho Vietnam Debt Fund SPC, mã TP CII-BOND2018-01	50.000.000	50,00%	-		50.000.000	50%
Tổng cộng Nhà đầu tư nước ngoài (ĐVT: ngàn đồng)	814.853.000				814.853.000	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
	(USD)		(USD)		(USD)	
6. Trái phiếu doanh nghiệp có quyền chuyển đổi (Phát hành cho KEB HANABANK TRUSTEE AND CUSTODIAN BUSINESS, được ủy thác bởi RHINOS VIETNAM CONVERTIBLE BOND PRIVATE INVESTMENT FUND NO.1)	40.000.000	100%	-		40.000.000	100%
7. Trái phiếu doanh nghiệp có quyền chuyển đổi (Phát hành cho KINDUSTRIAL BANK OF KOREA, được ủy thác bởi Rhinos Vietnam Convertible Bond Private Investment Fund No.2)	20.000.000	100%	-		20.000.000	100%
Tổng cộng Nhà đầu tư nước ngoài (ĐVT: USD)	60.000.000				60.000.000	

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-Lưu: VP. P.TC-KT



LÊ QUỐC BÌNH

V